

Standard Operating Procedures for Laser Hair Removal



CÁC ĐÒI HỎI VỀ KIỂM SOÁT NHIỄM TRÙNG

| CÓ | KHÔNG | N/A | | CÓ | KHÔNG | N/A | |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|---|
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Rửa tay trước và sau mỗi thân chủ/mỗi lần phục vụ | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Xem xét da thân chủ trước khi sử dụng tia laser. Không dùng tia laser trên da bị đứt, nhiễm trùng hoặc ngứa ngáy. |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Kính bảo vệ mắt được khử trùng cấp cao sau mỗi thân chủ | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Giặt khăn lông sau mỗi thân chủ |

KHI CỤ LASER & KÍNH BẢO VỆ MẮT

| CÓ | KHÔNG | N/A | | CÓ | KHÔNG | N/A | |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--|
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Nhân viên điều khiển và thân chủ đeo kính bảo vệ mắt khi mở tia laser | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Có nút tắt khẩn cấp cho nhân viên điều khiển |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Kính bảo vệ có nhãn ghi cùng làn sóng như tia laser và OD (độ cản tia sáng) từ 5 trở lên | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Tắt tia Laser khi không sử dụng |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Kính bảo vệ được bảo trì trong tình trạng tốt | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Nút kiểm soát mức tiếp xúc của thân chủ với tia laser phải được che lại hoặc phải làm hai việc cùng lúc, chẳng hạn như chân đạp bàn đạp và tay bấm nút |

CHỖ ĐIỀU TRỊ BẰNG TIA LASER ĐƯỢC KIỂM SOÁT

| CÓ | KHÔNG | N/A | | CÓ | KHÔNG | N/A | |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--|
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Laser được đặt trong một phòng riêng có cửa đóng lại được | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Những vật phản chiếu (chẳng hạn như vật trang sức, gương) được che lại/không đặt trong chỗ điều trị |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Các bảng hiệu cảnh cáo về Laser được gắn tại những lối ra vào | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Cửa sổ và các lỗ trong suốt được che lại |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Chỉ có những người có đeo thiết bị bảo vệ cá nhân đã được huấn luyện và được phép mới có quyền điều khiển tia laser trong chỗ này | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Có hệ thống thoát/ lọc không khí đúng mức để loại bỏ khí độc, hơi và siêu vi khuẩn khi dùng tia laser Hạng 4 |

VỆ SINH & BẢO TRÌ

| CÓ | KHÔNG | N/A | | CÓ | KHÔNG | N/A | |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|---|
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | (Các) phòng điều trị sạch sẽ, ngăn nắp, không bừa bộn và sáng sủa | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Dùng tấm che (chẳng hạn như khăn lông) sạch, dùng một lần để đậy các bề mặt làm việc trong lúc phục vụ mỗi thân chủ |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Rửa sạch và khử trùng bằng thuốc khử trùng cấp thấp các bề mặt làm việc có tiếp xúc sau mỗi thân chủ (thí dụ pha loãng thuốc tẩy vào nước theo tỷ lệ 1:500) | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Dụng cụ được cất trong hộp sạch có nắp đậy khi không dùng |

CÁC ĐÒI HỎI TỔNG QUÁT

| CÓ | KHÔNG | N/A | | CÓ | KHÔNG | N/A | |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|---|
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Tất cả các bề mặt được làm bằng vật liệu láng, không thấm và không xốp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Cơ sở có trang bị bồn chùi rửa thiết bị/dụng cụ |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Tiếp liệu cần thiết cho dịch vụ này có sẵn và trong tầm tay dễ dàng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Nhân viên điều khiển được huấn luyện về an toàn laser |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | (Các) bồn rửa tay đặt gần (những) chỗ làm việc | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Nhân viên điều khiển tuân hành thẻ thức hoạt động theo chỉ dẫn của hãng chế tạo |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | (Các) bồn rửa tay được trang bị vòi nước nóng và lạnh, xả bóng nước trong lọ bơm và khăn lau tay dùng một lần | | | | |

Bảng 1: Danh Sách Các Loại Thuốc Khử Trùng Được Sử Dụng

| | Thuốc Khử Trùng Cấp Thấp | Thuốc Khử Trùng Cấp Trung | Thuốc Khử Trùng Cấp Cao | Phương Pháp Tiệt Trùng |
|------------------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------------|------------------------|
| Tên Thương Mại | | | | |
| Nguyên Liệu Tác Động | | | | |
| Thời Gian Tiếp Xúc Tối Thiểu | | | | |

| | | | | |
|------------------------------|--|--|--|--|
| Tên Thương Mại | | | | |
| Nguyên Liệu Tác Động | | | | |
| Thời Gian Tiếp Xúc Tối Thiểu | | | | |

Bảng 2: Các Cấp Khử Trùng & Thí Dụ về Tên Thương Mại của Sản Phẩm Thường Dùng

| Cấp Tiệt Trùng hoặc Khử Trùng | Thí Dụ về Tên Thương Mại |
|-------------------------------|---|
| Tiệt Trùng | Statim Autoclave; Prestige Autoclave; Pelton and Crane Autoclave; MDT Chemiclave |
| Khử Trùng Cấp Cao | Cidex OPA, MetriCide, Accel CS 20 7%, Rapicide PA, Steris 20, Steris Resert, HLD 5, Optim CS 20, Sporox, 6.15% Ultra Clorox Professional bleach (5000 ppm) |
| Khử Trùng Cấp Trung | BioMERS, BioSURF, BM-6400, Instrubex-E, SEPTeFX, tbMinuteman, T36 Disinfect, AccelTB 5.25-6.15% household bleach (1000ppm) |
| Khử Trùng Cấp Thấp | Barbicide, Marvicide, Zepamine-A, Environ™ LpH™, Lysol chemicals, Virox 5 concentrate, Carpe Diem, Supergermiphene, Quat based antiseptic towelettes, Virox 5, Accel Surface cleaner, Germicide-3 Disinfectant Cleaner, Cavicide, BioTEXT, Gamut Plus, 7D TEXT 5.25-6.15% household bleach (100ppm) |

Source: Guidelines for Personal Service Establishments – July 2012 Health Protection Branch, Ministry of Health

Bảng 3: Pha Thuốc Tẩy Trong Nhà làm Thuốc Khử Trùng

| Cấp Khử Trùng Cần Thiết | Khi Nào Dùng | *Cách Pha Dung Dịch Thuốc Tẩy |
|--|---|---|
| CẤP CAO Pha loãng thuốc tẩy theo tỷ lệ 1:10** (1 phần thuốc tẩy: 9 phần nước) ≥ 5000 ppm Phải có DIN và ghi HLD trên nhãn. | KHẢ QUAN TRỌNG Dụng cụ/thiết bị nào có tiếp xúc với da không nguyên vẹn hoặc màng nhầy nhưng thông thường không đâm thủng vào trong da Ghi chú: Cũng được dùng để tẩy sạch các bề mặt sau khi dính máu hoặc chất dịch cơ thể hoặc ở chỗ không thể khử trùng được. | 100 ml thuốc tẩy với 900 ml nước; để pha thành một lít dung dịch Hoặc ½ cup thuốc tẩy với 4 cups nước |
| CẤP TRUNG Pha loãng thuốc tẩy theo tỷ lệ 1:50** (1 phần thuốc tẩy: 49 phần nước) ≥ 1000 ppm | CÓ PHẦN KHÔNG QUAN TRỌNG Dụng cụ/thiết bị nào, trong lúc sử dụng thường lệ, chỉ tiếp xúc với da nguyên vẹn, nhưng có thể vô ý mà chạm vào chỗ da không nguyên vẹn hoặc bị văng dính máu hoặc chất dịch cơ thể | 20 ml thuốc tẩy với 980 ml nước; để pha thành một lít dung dịch Hoặc 4 thìa cà phê thuốc tẩy với 4 cups nước |
| CẤP THẤP Pha loãng thuốc tẩy theo tỷ lệ 1:500** (1 phần thuốc tẩy: 499 phần nước) ≥ 100 ppm | KHÔNG QUAN TRỌNG Dụng cụ/thiết bị nào không tiếp xúc trực tiếp với thân chủ hoặc chỉ tiếp xúc với da nguyên vẹn trong lúc sử dụng thường lệ Ghi chú: Những món này không dính máu hoặc chất dịch cơ thể. Có thể được dùng để lau chùi nhà cửa thường lệ. | 5 ml thuốc tẩy với 2 ½ L nước Hoặc 1 thìa cà phê thuốc tẩy với 10 cups nước |

Source: Guidelines for Personal Service Establishments – July 2012 Health Protection Branch, Ministry of Health

Bảng 4: Các Cấp Khử Trùng/Tiệt Trùng Cho Dụng Cụ/Thiết Bị Khử Lông Bằng Tia Laser Thông Thường

| *Những Món Dùng Một Lần Rồi Vứt Đi Sau Khi Dùng | Khử Trùng Cấp Thấp cho (Những) Món Không Quan Trọng | Khử Trùng Cấp Trung cho (Những) Món Không Quan Trọng | Khử Trùng Cấp Cao cho (Những) Món Khá Quan Trọng | Tiệt Trùng cho (Những) Món Quan Trọng |
|---|--|--|--|---------------------------------------|
| | Giường cho thân chủ; ghế cho thân chủ; ghế dài; bàn; thanh đỡ cổ & tay ghế | Khí cụ bắn tia laser | Kính an toàn | Đầu khí cụ tiếp xúc với máu |

Source: Guidelines for Personal Service Establishments – July 2012 Health Protection Branch, Ministry of Health

Ghi Chú Thêm: _____